TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển,

2. Bà Phạm Thị Láng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1976

ĐKHKTT: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Lại Hợp S (Lại Ngọc S)**, sinh năm 1974

ĐKHKTT: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Chị Q và anh S đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2019, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lại Ngọc S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/11/1996. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh Sướng ở thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng anh chị sống hòa thuận,

hạnh phúc đến năm 2007 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S đi lao động xuất khẩu ở Cộng hòa liên bang Nga không gọi điện, gửi tiền về cho chị, từ đó tình cảm vợ chồng chị dần phai nhạt. Đến năm 2014, anh S về nước nhưng tình cảm vợ chồng chị vẫn không được cải thiện, anh chị tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại chị đang sống cùng con gái tại tỉnh Tuyên Quang; còn anh Sướng vẫn sinh sống tại thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai nữa, anh chị đã sống ly thân liên tục đã hơn 10 năm nên vợ chồng chị không còn không thể hàn gắn nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 16/10/1997 và Lại Thị Hồng T, sinh ngày 10/11/2006. Hiện nay con Tuấn A của anh chị đã trưởng thành, còn con Hồng T đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con Hồng T và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay nợ chung tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Lại Ngọc S*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q. Ngày 14/8/2019 Tòa án đã về địa phương xác minh và tiến hành lấy lời khai của anh S tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Tại Biên bản lấy lời khai, anh S trình bày quan điểm của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí với ý kiến của chị Q đã khai. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do khi anh đi lao động xuất khẩu ở Cộng hòa liên bang Nga vào năm 2007, chị Q ở nhà không chăm lo con cái, bỏ bê gia đình, có biểu hiện ngoại tình gây dư luận xấu ở địa phương. Anh gửi tiền về hàng tháng thì chị chi tiêu không tiết kiệm, từ đó anh chán nản không gửi tiền, không quan tâm, không liên lạc với chị Q nữa. Năm 2014, anh về nước nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn mà vẫn tiếp tục sống ly thân. Năm 2016, chị Q bỏ lên miền núi sinh sống, không trở về địa phương đoàn tụ gia đình nữa. Nay chị Q muốn ly thì anh hoàn toàn đồng ý ly hôn vì anh cũng không còn tình cảm với chị Q nữa.

Về con chung: Anh và chị Q có hai con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 16/10/1997 và Lại Thị Hồng T, sinh ngày 10/11/2006. Hiện nay con Tuấn A của anh chị đã trưởng thành. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con Hồng T và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Qua xác minh với Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/8/2019 thì thấy:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Lại Hợp S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/11/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau ở thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng anh chị sống chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì anh S đi lao động xuất khẩu ở Cộng hòa liên bang Nga. Từ khi anh S đi nước ngoài, anh chị không có quan tâm và liên lạc với nhau. Sau khi anh Svề nước thì vợ chồng anh chị vẫn sống ly thân. Năm 2016 chị Q bắt đầu đi làm kinh tế ở tỉnh Tuyên Quang những vẫn thi thoảng về địa phương. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh S thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị Q và anh S có hai con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 16/10/1997 và Lại Thị Hồng T, sinh ngày 10/11/2006. Ly hôn địa phương đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và căn cứ quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nợ chung nên địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về họ và tên của anh Sướng: Các giấy tờ tùy thân, tài liệu thể hiện anh S có tên đệm khác nhau là: Lại Ngọc S, Lại Hợp S, Lại Văn S, nguyên nhân là do quá trình khai báo từ trước đến nay anh S khai nhầm tên đệm, còn về bản chất vẫn là một người.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa để viết bản tự khai. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành lấy được lời khai của bị đơn và bị đơn cũng đã trình bày quan điểm, ý kiến của mình về việc khởi kiện của nguyên đơn.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Lại Hợp S.

+ Quan hệ con chung: Chị Q và anh S có hai con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 16/10/1997 và Lại Thị Hồng T, sinh ngày 10/11/2006. Hiện nay con Lại Tuấn A đã trưởng thành. Con Lại Thị Hồng T đang ở với chị Q và chị Q đã xuất trình cho Tòa án điều kiện nuôi con của chị. Vì vậy, đề nghị giao con chung Lại Thị Hồng T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Q không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

+ Quan hệ tài sản: Chị Q và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Lại Hợp S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 21/11/1996 là hôn nhân hợp pháp. Do năm 2007, anh S đi lao động xuất khẩu ở Cộng hòa liên bang Nga, vợ chồng anh chị không có quan tâm và liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng xa cách, phai nhạt. Sau 05 năm, anh Sướng về nước nhưng tình cảm vợ chồng của anh chị vẫn không hàn gắn, anh chị tiếp tục sống ly thân. Năm 2016 chị Q đi làm kinh tế ở tỉnh Tuyên Quang, thi thoảng mới về còn anh S vẫn ở địa phương. Như vậy suốt thời gian dài, liên tục chị Q và anh S đã sống ly thân với nhau, cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Khi trình bày quan điểm với Tòa án, cả chị Q và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đều nhất trí ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng chị Q và anh S đã sống ly thân mỗi người một nơi từ lâu. Vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị đã kéo dài rất lâu nên anh chị không có khả năng đoàn tụ. Nay chị Q xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét đời sống chung của vợ chồng chị Q và anh S đã chấm dứt trên thực tế, thực trạng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn tình cảm quan hệ vợ chồng nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Lại Hợp S.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Q và anh Lại Hợp S có hai con chung là Lại Tuấn A, sinh ngày 16/10/1997 và Lại Thị Hồng T, sinh ngày 10/11/2006. Hiện nay con Lại Tuấn A đã trưởng thành nên chị Q và anh Skhông yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con Lại Tuấn A. Cả chị Q và anh S đều xin nuôi con Lại Thị Hồng T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với người không nuôi con. Xét nguyện vọng của anh S và chị Q đều xin nuôi con T thì thấy: từ khi anh S đi lao động ở nước ngoài cho đến hiện tại thì cháu T vẫn đang ở với mẹ, được chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và đang đi học ổn định. Mặt khác, nguyện vọng của cháu cũng xin ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con Lại Thị Hồng T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Q không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Q và anh Lại Hợp S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Lại Hợp S.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Lại Thị Hồng T, sinh ngày 10/11/2006 cho chị Trần Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Qkhông yêu cầu anh Lại Hợp S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003471 ngày 12/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;*
- *Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;*
- *Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thoan